

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/KDTM-PT

Ngày: 21/11/2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Văn.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Tính.

Ông Hoàng Tuấn Anh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:*** Nguyễn Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLPT-KDTM ngày 10 tháng 7 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2018/KDTM-ST ngày 07 tháng 05 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2018/QĐPT-KDTM ngày 13 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Q.

Địa chỉ: Số 28C- 28D, phố B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Hải A - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền ông Mai Anh T và ông Đỗ Văn T - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Công ty TNHH quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Q; địa chỉ: Tầng 7, Số 444, H, phường B, quận T, thành phố Hà Nội diện ( Ông T có mặt, ông T vắng mặt).

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968.

Đều trú tại: Khu phố N, phường Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hoàng Thanh P, sinh năm 1945.(có mặt)
2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955. (vắng mặt)
3. Anh Hoàng Ca D, sinh năm 1985.(có mặt)

Đều trú tại: Thôn B, xã B, huyện S, thành phố Hà Nội.

Bà Nguyễn Thị L ủy quyền cho ông Hoàng Thanh P, văn bản ủy quyền ngày 21/8/2018.

*Người kháng cáo:* Ông Hoàng Thanh P và bà Nguyễn Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/10/2014 giữa Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Bắc Ninh và ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968, trú tại khu phố N, phường Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh có ký với nhau Hợp đồng tín dụng số 154/14/HĐCV/114-11. Theo hợp đồng, Ngân hàng cho ông D, bà T vay 1.550.000.000 đồng (*một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn*); Mục đích vay: Bù đắp tiền mua nhà; Thời hạn vay: 60 tháng tính từ ngày giải ngân; Lãi vay 9,8%/năm áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, quá trình thực hiện tiếp theo lãi vay có thể thay đổi trong các trường hợp được quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 2 của hợp đồng; Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Về phương thức trả nợ: Tiền lãi trả vào ngày 25 hàng tháng, tiền gốc trả dần theo kỳ (mỗi kỳ trả 77.500.000 đồng). Ngoài ra các bên còn thỏa thuận phí cho vay theo Điều 4 của hợp đồng.

Để đảm bảo tiền vay ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị T dùng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 5, tờ bản đồ số 2 diện tích 115,4m<sup>2</sup> có địa chỉ tại phường Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh (nay là khu phố N, phường Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất(GCNQSDĐ) số: AB 990949 do UBND huyện Từ Sơn cấp ngày 10/8/2005 cho chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn D và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 10, diện tích 589m<sup>2</sup>, tại thôn B, xã B, huyện S, thành phố Hà Nội theo GCNQSDĐ số: BO 935031 do UBND huyện S, thành phố Hà Nội cấp ngày 29/10/2013 cho chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1976, trú tại: Thôn X, xã P, huyện S, thành phố Hà Nội (ngày 18/9/2014 anh L chuyển nhượng cho Bà Nguyễn Thị T theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 519 lập tại phòng công chứng số 5 thành phố Hà Nội) thế chấp cho ngân hàng (theo các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 101/14/HĐTC/114-11 và số: 102/14/HĐTC/114- 11 cùng ký ngày 06/10/2014).

Sau khi ký hợp đồng vay và các hợp đồng thế chấp đảm bảo tiền vay, ngày 10/7/2014 Ngân hàng TMCP Q giải ngân giao đủ 1.550.000.000 đồng tiền vay cho

ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T. Quá trình thực hiện hợp đồng, thời gian đầu ông D, bà T thực hiện trả lãi và trả gốc đầy đủ, đúng thỏa thuận. Nhưng kể từ tháng 6 năm 2016 ông, bà đã không thực hiện việc trả lãi và trả nợ gốc theo đúng cam kết. Ngân hàng đã nhiều lần xuống làm việc, yêu cầu ông D, bà T trả nợ nhưng không thực hiện. Sau nhiều lần yêu cầu thanh toán trả nợ không có kết quả, ngày 05/7/2017, Ngân hàng TMCP Q có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét buộc ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T phải thanh toán trả cho Ngân hàng số nợ vay tín dụng tạm tính đến ngày 23/12/2016 là: 1.177.251.836 đồng, trong đó nợ gốc là 1.085.000.000 đồng, tiền lãi là 92.251.836 đồng (bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn và số tiền chậm trả lãi quá hạn). Nếu ông D bà T không trả nợ, ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký ngày 06/10/2014 để thu nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là ông D, bà T trình bày: Năm 2014 do cần vốn để đầu tư kinh doanh buôn bán nhà đất, ông bà có đến Ngân hàng TMCP Q- Chi nhánh Bắc Ninh làm thủ tục vay số tiền 1.550.000.000 đồng, về thời hạn vay, lãi vay, phương thức trả gốc và lãi cũng như tài sản thế chấp đảm bảo tiền vay như ngân hàng trình bày là đúng. Do kinh doanh gặp khó khăn nên vợ chồng ông, bà đã không thực hiện đúng việc trả nợ như cam kết. Nay ngân hàng yêu cầu ông bà phải thanh toán trả tổng số nợ vay tạm tính đến ngày 23/12/2016 là 1.177.251.836 đồng, ông, bà không có ý kiến thắc mắc gì. Về phương án trả nợ ông D, bà T đề nghị ngân hàng cho thu xếp trả dần, nếu ngân hàng không đồng ý cho ông, bà trả dần thì ông bà nhất trí đề ngân hàng xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo các hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ. Tuy nhiên khi xử lý tài sản thế chấp, ông D, bà T đề nghị xử lý tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có địa chỉ tại: Thôn B, xã B, huyện S, thành phố Hà Nội trước, nếu số tiền xử lý bán tài sản thế chấp tại thôn B, xã B, huyện S, thành phố Hà Nội không đủ trả nợ thì ngân hàng tiếp tục đề nghị xử lý tài sản thế chấp còn lại để thu nợ theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Thanh P, bà Nguyễn Thị L và anh Hoàng Ca D trình bày: Thửa đất số 280, tờ bản đồ số 10, diện tích 589 m<sup>2</sup> có địa chỉ tại thôn B, xã B, huyện S, thành phố Hà Nội hiện đang do ông, bà trực tiếp quản lý sử dụng là đất của bố, mẹ bà L để lại, năm 1995 ông P được nhà nước cấp GCNQSDĐ. Quá trình sử dụng, năm 2013 con trai ông, bà là Hoàng Ca D do cần vốn làm ăn, được bạn bè giới thiệu và có quen anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1976, trú tại: Thôn X, xã P, huyện S, thành phố Hà Nội, anh L nói có thể đứng ra vay vốn ngân hàng giúp. Do tin tưởng anh L ông, bà có đưa GCNQSDĐ cho anh L để anh L làm thủ tục vay vốn, bản thân ông bà không chuyển nhượng nhà đất cho anh L. Tòa án về làm việc ông, bà mới biết anh L đã làm thủ tục chuyển nhượng và đứng tên trên GCNQSDĐ, sau đó anh L lại làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất cho bà Nguyễn Thị T, bà T lại dùng thửa đất thế chấp để vay vốn ngân hàng. Nay bà T không trả được nợ vay, ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế

chấp là thửa đất số 280, tờ bản đồ số 02, diện tích 589m<sup>2</sup> tại thôn B, xã B, huyện S, thành phố Hà Nội ông, bà không đồng ý. Ông P, bà L và anh D đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền và lợi ích cho gia đình.

Với nội dung trên, tại bản án kinh doanh thương mại số 01/2018/KDTM-ST ngày 07/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T đã xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 143, 144, 146, 147, 235, 264, 271, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 24, 25 Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định 1627 ngày 31/12/2001 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Điều 688, 274, 275, 276, 278, 280, 292, 293, 299, 303, 304, 307, 317; điểm c khoản 2 Điều 324 của Bộ luật dân sự. Thông tư liên tịch số: 01/1997/TTLT ngày 19/6/1997 của Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính- Viện kiểm sát nhân dân tối cao- Tòa án nhân dân tối cao “*Hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản*”; Công văn số: 43/1999/KHXX ngày 24/5/1999 của Tòa án nhân dân tối cao về tính lãi suất đối với các khoản vay của ngân hàng, tín dụng; Nghị quyết số 326/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q.

1. Buộc ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị T phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền là 1.472.653.480 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 1.085.000.000 đồng; Nợ lãi là 387.653.480 đồng. Nếu ông D, bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại đất thửa đất số 5, tờ bản đồ số 2, diện tích 115,4m<sup>2</sup>, địa chỉ : Khu phố N, phường Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh, theo GCNQSDĐ số: AB 990949 do UBND thị xã T cấp ngày 10/8/2005 đứng tên chủ sử dụng đất là Nguyễn Văn D và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 10, diện tích 589m<sup>2</sup>, có địa chỉ: thôn B, xã B, huyện S, thành phố Hà Nội theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BO 935031 do UBND huyện S, thành phố Hà Nội cấp ngày 29/10/2013 cho ông Nguyễn Văn L (ngày 18/9/2014 anh L chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T) để thu hồi nợ. Ông Hoàng Thanh P và bà Nguyễn Thị L cùng gia đình có nghĩa vụ bàn giao quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 280, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: thôn B, xã B, huyện S, thành phố Hà Nội khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm trả, án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Thanh P và bà Nguyễn Thị L làm đơn kháng cáo một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm trên đối với quyết định xử lý tài sản thửa đất số 280, tờ bản đồ số 10, diện tích 589m<sup>2</sup>, địa chỉ thôn B, xã B, huyện S, thành phố Hà Nội vì

cho rằng gia đình ông bà bị anh Nguyễn Văn L lừa đảo chiếm đoạt tài sản và làm rõ việc Hợp đồng chuyển nhượng giữa gia đình ông bà với anh L.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án. Ông Hoàng Thanh P cho rằng anh Nguyễn Văn L đã lừa dối gia đình ông để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử ở cấp phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của các đương sự như nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS xử không chấp nhận kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Hoàng Thanh P và bà Nguyễn Thị L nộp trong thời hạn luật định, nên chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông P và bà L, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Xem xét việc ký kết hợp đồng tín dụng số: 154/14/HĐCN/114-11 và các hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất các số: 101/14/HĐTC/114-11 và số: 102/14/HĐTC/114-11 ký ngày 06/10/2014 giữa Ngân hàng TMCP Q với ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T là tự nguyện, người tham gia ký kết có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự đầy đủ, nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội, các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được lập thành văn bản có công chứng hợp pháp và được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật. Do vậy hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký có hiệu lực bắt buộc thực hiện đối với các bên tham gia ký kết.

Xét quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng thấy: Sau khi ký kết hợp đồng ngân hàng đã giải ngân và giao đủ cho ông D, bà T số tiền vay theo thỏa thuận là 1.550.000.000 đồng, điều này được thể hiện tại khế ước nhận nợ ngày 07/10/2014. Ngược lại ông D, bà T đã không thực hiện đúng cam kết trả lãi hàng tháng và trả nợ gốc theo thỏa thuận, tiền lãi mới trả cho ngân hàng đến hết tháng 5/2016, nợ gốc mới trả được 475.000.000 đồng (tương ứng 6 kỳ tức trả đến hết ngày 25/3/2016), số tiền lãi hàng tháng và nợ gốc phải trả các kỳ tiếp theo từ đó đến nay không trả thêm được đồng nào, mặc dù ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu trả nợ

nhưng vẫn không trả. Như vậy xét về lỗi, thì việc không thanh toán trả đầy đủ nợ gốc và nợ lãi khi đến hạn theo thỏa thuận của ông D, bà T là vi phạm nghiêm trọng hợp đồng. Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Quốc Dân, buộc ông D bà T phải thanh toán trả tổng số nợ vay tính đến ngày 07/5/2018 là: 1.472.653.480 đồng (trong đó: Nợ gốc là 1.085.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn là 258. 435.174 đồng; Tiền lãi quá hạn là 129.218.306 đồng) là đúng pháp luật.

[2.2] Đối với đề nghị Tòa án xem xét hợp đồng chuyển nhượng đất giữa gia đình ông P, bà L với anh Nguyễn Văn L, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ tại các bút lục từ (BL122 đến BL165) và từ (BL191 đến BL198), cụ thể như: Giấy nhận tiền đặt cọc đất ngày 31/8/2013 do ông Phóng ký nhận (BL196): Giấy nhận tiền bán đất ngày 21/10/2013 do anh Hoàng Ca D ký nhận (BL 194 - 195) đều thể hiện ông P và con trai ông P là anh D đã nhận tiền đặt cọc và nhận đủ tiền mua bán thửa đất số 280, tờ bản đồ số 10, diện tích 589m<sup>2</sup>, có địa chỉ: thôn B, xã B, huyện S, thành phố Hà Nội từ người mua là anh Nguyễn Văn L. Mặt khác xét trình tự, thủ tục mua bán chuyển nhượng thửa đất trên giữa bên chuyển nhượng là ông Hoàng Thanh P và bà Nguyễn Thị L và bên nhận chuyển nhượng là anh Nguyễn Văn L lập ngày 18/9/2013 tại Phòng Công chứng An Cường, thành phố Hà Nội và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là anh Nguyễn Văn L, chị Trần Thị T và bên nhận chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị T lập ngày 18/9/2014 tại Phòng Công chứng số 5, thành phố Hà Nội thấy các hợp đồng mua bán, chuyển nhượng đất đều được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, cưỡng bức hay đe dọa; Các bên tham gia giao kết đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi đầy đủ, nội dung của hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội, hình thức của hợp đồng được lập thành văn bản có chứng nhận của công chứng nhà nước, thủ tục kê khai đăng ký biến động về đất đai được thực hiện đầy đủ, đúng quy định nên việc mua bán chuyển nhượng thửa đất là hợp pháp. Ông Hoàng Thanh P và anh Hoàng Ca D cho rằng gia đình không chuyển nhượng đất cho anh L, bị anh L lừa dối khi làm thủ tục, giao dịch mua bán nhằm che giấu giao dịch vay mượn tài sản là không có căn cứ. Mặt khác Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S, thành phố Hà Nội đã trả lời đơn tố cáo của ông Phóng đối với anh L về hành vi lừa đảo là không có cơ sở.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án sơ thẩm ông P và bà L cho rằng không có việc chuyển nhượng nhà đất cho anh L, nhưng Tòa án không đưa anh L vào tham gia tố tụng, không lấy lời khai là thiếu sót. Tuy nhiên, Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành xác minh, thu thập và lấy lời khai của anh L. Xem xét lời khai của anh L phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác liên quan đến các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, vì vậy ông P và bà L cho rằng không có việc chuyển nhượng là không có căn cứ chấp nhận.

Trong khi quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Tòa án đã tạo điều kiện để ông P và gia đình thu thập, tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích

hợp pháp của mình, song ông P và gia đình không thu thập và cung cấp được bất cứ chứng cứ, tài liệu gì để chứng minh cho đề nghị và yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp.

Do vậy, trong trường hợp ông D và bà T không thanh toán được nợ vay thì Ngân hàng TMCP Q có quyền đề nghị xử lý tài sản thế chấp là giá trị quyền sử dụng thửa đất số 280, tờ bản đồ số 10, diện tích 589m<sup>2</sup>, có địa chỉ thôn B, xã B, huyện S, thành phố Hà Nội theo GCNQSDĐ số: BO 935031 do UBND huyện S, thành phố Hà Nội cấp ngày 29/10/2013 cho chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1976, trú tại: Thôn X, xã P, huyện S, thành phố Hà Nội (ngày 18/9/2014 anh L chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T theo hợp đồng số 519 lập tại Phòng công chứng số 5, thành phố Hà Nội) để thu hồi nợ cho ngân hàng. Do đó kháng cáo của ông P, bà L không được chấp nhận. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo cần giữ nguyên.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Thanh P và bà Nguyễn Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm, xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 143, 144, 146, 147, 235, 264, 271, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 24, 25 Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định 1627 ngày 31/12/2001 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Điều 688, 274, 275, 276, 278, 280, 292, 293, 299, 303, 304, 307, 317; điểm c khoản 2 Điều 324 của Bộ luật dân sự. Thông tư liên tịch số: 01/1997/TTLT ngày 19/6/1997 của Bộ Tư pháp- Bộ Tài chính- Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao “*Hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản*” Công văn số: 43/1999/KHXX ngày 24/5/1999 của Tòa án nhân dân tối cao về tính lãi suất đối với các khoản vay của ngân hàng, tín dụng. Nghị quyết số 326/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q.

1. Buộc ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị T phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền là 1.472.653.480 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 1.085.000.000 đồng; Nợ lãi là 387.653.480 đồng. Nếu ông D, bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 5, tờ bản đồ số 2, diện tích 115,4m<sup>2</sup>, địa chỉ: Khu phố N, phường Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh, theo GCNQSDĐ số: AB 990949 do UBND thị xã T cấp ngày 10/8/2005 đứng tên chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn D và thửa đất số 280, tờ

bản đồ số 10, diện tích 589m<sup>2</sup>, có địa chỉ: thôn B, xã B, huyện S, thành phố Hà Nội theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BO 935031 do UBND huyện S, thành phố Hà Nội cấp ngày 29/10/2013 cho ông Nguyễn Văn L (ngày 18/9/2014 anh L chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T) để thu hồi nợ. Ông Hoàng Thanh P và bà Nguyễn Thị L cùng gia đình có nghĩa vụ bàn giao quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 280, tờ bản đồ số 10, diện tích 589m<sup>2</sup>, có địa chỉ: thôn B, xã B, huyện S, thành phố Hà Nội khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, nếu ông D và bà T không tự nguyện thi hành thì vẫn phải chịu lãi, theo mức lãi suất đã thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T phải chịu 56.180.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí 18.565.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/03050 ngày 04/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Về án phí phúc thẩm: Ông Hoàng Thanh P và bà Nguyễn Thị L mỗi đương sự phải chịu 2.000.000 đồng án kinh doanh thương mại phúc thẩm. Xác nhận ông P, bà L đã nộp 4.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 03352 ngày 28/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã T.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhân:**

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND TX. T;
- THADS TX. T;
- Các đương sự;
- Lưu TKT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Anh Văn**